Thứ ngày tháng năm

Tiết 1

TẬP VIẾT

nền nhà, nhà in, cá biển, yên ngựa, cuộn dây, vườn nhãn

1. Mục tiêu:

- Học sinh viết đúng các chữ, các từ của bài viết; kiểu chữ viết thường.
- Viết đúng khoảng cách, cỡ vừa theo vở tập viết 1, tập 1.

2. Đồ dùng dạy học:

Viết mẫu các từ: nền nhà, nhà in, cá biển, yên ngựa , cuộn dây, vờn nhãn.

3. Các hoạt động dạy và học:

Thời gian	Nội dung - kiến thức cơ bản	Phương pháp - hình thức tổ chức dạy học	
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3’	**I. Bài cũ:**	- Kiểm tra: Giáo viên đọc cho học sinh viết: chú cừu, rau non, thợ hàn, dặn dò. Nhận xét, đánh giá.	2 học sinh lên bảng viết. Dới lớp viết bảng con.
	II. Bài mới:		
1’	***1.Giới thiệu bài.***	Tập viết từ: nền nhà, nhà in, cá biển, yên ngựa , cuộn dây, vờn nhãn	1 học sinh đọc nội dung bài viết.
2’	***2. Hớng dẫn học sinh viết chữ.*** 2.1. Viết chữ nền nhà a. Phân tích cấu tạo từ.	- Từ nền nhà gồm mấy chữ, phân tích các chữ. + Từ nền nhà gồm chữ nền đứng trớc, chữ nhà đứng sau. + nền: gồm con chữ n và vần ên, dấu huyền trên con chữ ê; nhà: gồm con chữ n, h và a, dấu huyền trên con chữ a. - Độ cao của các con chữ nh thế nào? + Con chữ n, ê, a cao 2 li; con chữ h cao 5 li.	Học sinh trung bình trả lời. Học sinh khá, giỏi trả lời.
3’	b. Hớng dẫn cách viết. nền nhà:	+ nền: viết n liền nét sang ên, viết dấu huyền trên con chữ ê ; nhà: viết n liền nét sang h, viết a chạm điểm dừng bút của h, viết dấu huyền trên con chữ a.	Học sinh viết bảng con.
7’	2.2. Viết chữ nhà in, cá biển, yên ngựa, cuộn dây, vờn nhãn a. Phân tích cấu tạo từ.	Giáo viên hớng dẫn tơng tự trên. -Từ nhà in (cá biển, yên ngựa, cuộn dây, vờn nhãn) gồm mấy	Học sinh viết bảng con.

Thời gian	Nội dung - kiến thức cơ bản	Phương pháp - hình thức tổ chức dạy học	
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
		chữ? Nêu cấu tạo từng chữ. -Từ nhà in gồm chữ nhà đứng trước, chữ in đứng sau. + nhà: gồm con chữ n, h, a, dấu huyền trên con chữ a; in: gồm vần in. -Từ cá biển, yên ngựa , cuộn dây, vờn nhãn (phân tích tương tự) - Con chữ n, a, i, c, e, , u, ô, â. ơ cao 2 li, con chữ d cao 4 li, con chữ h, b, y, g, cao 5 li	
3’ 12’	**Nghỉ** **4. HS viết vở Tập viết**	- Cho HS mở vở Tập viết. - GV hướng dẫn HS trình bày trong vở Tập viết (Mỗi từ cách nhau bằng độ rộng của 2 chữ cái o) - HS viết các chữ trong vở Tập viết. - GV theo dõi , uốn nắn.	- Học sinh viết vở.
4’	**5. Chấm bài:**	Chấm bài trong vở Tập viết. Nhận xét, khen bài viết nhanh, đẹp.	Học sinh viết bài. Thu một số bài.
1’	**III. Củng cố - Dặn dò**	Bài sau: Xem trước bài sau.	

Rút kinh nghiệm.

.....

.....

Tiết 2

TẬP VIẾT

con ong, cây thông, vầng trăng, cây sung, củ gừng, củ riềng.

I. Mục tiêu:

- HS viết đúng các chữ: con ong, cây thông, vầng trăng, cây sung, củ gừng…
- Kiểu chữ viết th- ờng cỡ vừa theo vở tập viết 1 tập I.

II. Đồ dùng dạy học:

Viết mẫu các từ: con ong, cây thông, vầng trăng, cây sung , củ gừng, củ riềng.

III. Các hoạt động dạy và học:

Thời gian	Nội dung - kiến thức cơ bản	Ph- ơng pháp - hình thức tổ chức dạy học	
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
5’	**I. Bài cũ:**	- Kiểm tra: Giáo viên đọc cho học sinh viết: nền nhà, nhà in, cá biển, yên ngựa. Nhận xét, đánh giá.	2 học sinh lên bảng viết. D- ới lớp viết bảng con.
	II. Bài mới:		
1’	***1. Giới thiệu bài.***	- Tập viết từ: con ong, cây thông, vầng trăng, cây sung , củ gừng, củ riềng.	1 học sinh đọc nội dung bài viết.
2’	***2. H□ớng dẫn học sinh viết chữ.*** 2.1. Viết từ con ong a. Phân tích cấu tạo từ.	- Từ con ong gồm mấy chữ, phân tích các chữ. + Từ con ong gồm chữ con đứng tr- ớc, chữ ong đứng sau. + con: gồm con chữ c và vần on; ong: gồm vần ong. -Độ cao của các con chữ nh- thế nào? + Con chữ c, o, n cao 2 li; con chữ g cao 5 li.	Học sinh trung bình trả lời. Học sinh khá, giỏi trả lời.
3’	b.H- ớng dẫn cách viết. con ong	+ con: viết c liền nét sang on; ong: viết chữ ong: L- u ý nét nối từ o sang ng.	Học sinh viết bảng con.
7’	2.2. Viết từ cây thông, vầng trăng, cây sung , củ gừng, củ riềng. a. Phân tích cấu tạo từ.	- Từ cây thông (vầng trăng, cây sung , củ gừng, củ riềng) gồm mấy chữ? Nêu cấu tạo từng chữ. - Từ cây thông gồm chữ cây đứng tr- ớc, chữ thông đứng sau. + cây: gồm con chữ c, vần ây; thông: gồm con chữ t, h vần ông. - Từ vầng trăng, cây sung , củ gừng (phân tích t- ơng tự)	Học sinh viết bảng con.

Thời gian	Nội dung - kiến thức cơ bản	Ph- ơng pháp - hình thức tổ chức dạy học	
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
		- Con chữ c, â, ô, n, v, r, ă, u, - , i, ê cao 2 li, con chữ t cao 3 li, con chữ y, h, g cao 5 li	
3' 12'	**Nghỉ** ***4. HS viết vở Tập viết***	- Cho HS mở vở Tập viết. - GV h- ớng dẫn HS trình bày trong vở Tập viết. L- u ý: Mỗi từ cách nhau bằng độ rộng của 2 chữ cái o. Mỗi chữ cách nhau bằng độ rộng 1 chữ cái o. - HS viết các chữ trong vở Tập viết. - GV theo dõi , uốn nắn. 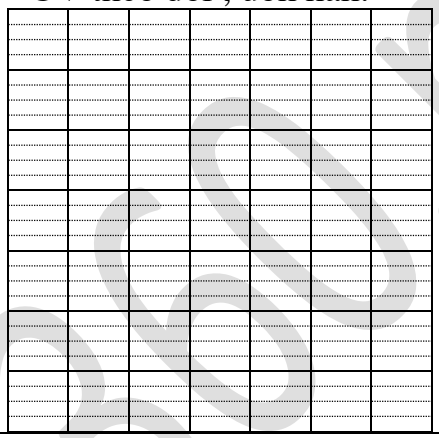	- Học sinh viết vở.
4' 1'	***5. Chấm bài:*** **III. Củng cố - Dặn dò**	Chấm bài trong vở Tập viết. Nhận xét, khen bài viết nhanh, đẹp. Bài sau: Xem tr- ớc bài sau.	Học sinh viết bài. Thu một số bài.

Rút kinh nghiệm.

.....

.....

Tiết 4

TOÁN

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 8

I. Mục tiêu:

- HS thuộc bảng cộng, biết làm tính cộng trong phạm vi 8.
- Viết đợc phép tính thích hợp với hình vẽ. Làm bài tập 1; 2 (cột 1, 3, 4); 3 (dòng 1);

bài 4 (a).

II. Đồ dùng dạy học:

Bộ đồ dùng dạy học tranh minh hoạ.

III. Các hoạt động dạy và học:

Thời gian	Nội dung - kiến thức cơ bản	Phương pháp - hình thức tổ chức dạy học	
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
5’	**1. Kiểm tra bài cũ**	1. Điền dấu >, <, =: 2. Tính: 3 + 4 ... 7 + 0 6 + 1 — 3 = 7 — 2 ... 6 — 3 7 — 4 — 2 = 2 + 5 ... 5 + 2 5 + 2 — 0 = - Gọi học sinh đọc phép cộng, trừ trong phạm vi 7. - Chữa bài, nhận xét.	2 học sinh lên bảng làm bài. Học sinh trả lời.
8’	**2. Bài mới** ***Hớng dẫn học sinh thành lập và ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 8.***	Giáo viên nêu yêu cầu: Có 7 hình vuông, lấy thêm 1 hình vuông. Tất cả có mấy hình vuông? - Phép tính thích hợp là gì? Dựa trên phần vừa lấy hình giáo viên nêu bài toán: Có 1 hình vuông và 7 hình vuông. Hỏi tất cả có mấy hình vuông? Cho nhận xét về 2 phép tính vừa lập. Hỏi tơng tự với các hình còn lại. Hỏi thêm: 8 + 0 = ? 0 + 8 = ?	Học sinh sử dụng bộ đồ dùng, lấy hình. Học sinh trung bình trả lời: Tất cả có 8 hình vuông. Sử dụng đồ dùng lập phép tính: 7 + 1 = 8. Học sinh trung bình trả lời: Tất cả có 8 hình vuông. Sử dụng đồ dùng lập phép tính: 1 + 7 = 8. Học sinh khá giỏi nêu nhận xét giống, khác nhau của 2 phép tính vừa lập. Học sinh giỏi nêu: 7 + 1 = 1 + 7.

Thời gian	Nội dung - kiến thức cơ bản	Phương pháp - hình thức tổ chức dạy học	
		Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
		Ghi nhớ bảng cộng trong phạm vi 8. Xoá dần bảng, gọi học sinh đọc thuộc (Gọi đọc: cá nhân - đồng thanh)	Thi đua học thuộc phép tính ngay tại lớp.
3’	**Nghỉ** **Thực hành**		
4’	**Bài 1:** Tính.	**Bài 1** Cho học sinh nêu yêu cầu của bài rồi làm bài và chữa bài.	Viết số thẳng cột dọc
4’	**Bài 2:** Tính.	**Bài 2** (Làm cột 1, 3, 4) Cho học sinh tự làm bài. - Nhận xét 1 số phép tính để thấy tính chất của phép cộng: Khi đổi chỗ các số…	Làm bài xong đổi chéo vở chữa bài. Học sinh khá, giỏi nêu nhận xét. Lấy 1 + 2 = 3 ; 3 + 5 = 8
4’	**Bài 3:** Tính.	**Bài 3** (làm cột 1, 3) Cho học sinh tính nhẩm, nêu cách làm miệng 1 + 2 + 5 = ?	Làm bài
5’	**Bài 4:** Viết phép tính thích hợp.	Gọi 2 học sinh lên bảng làm. Chữa bài. **Bài 4:** Cho học sinh xem tranh, nêu bài toán rồi viết phép tính thích hợp Gọi học sinh nêu bài toán và phép tính khác.	Xem tranh, nêu bài toán: Có 6 con cua, thêm 2 con cua. Hỏi tất cả có mấy con cua? => 6 + 2 = 8 Học sinh khá, giỏi nêu thêm bài toán và phép tính khác nh: Có 2 con cua, thêm 6 con cua. Hỏi tất cả có mấy con cua? => 2 + 6 = 8
3’	**3. Củng cố**	Gọi 1 học sinh đọc thuộc các phép tính cộng trong phạm vi 8.	1 học sinh đọc thuộc tr-ớc lớp.
1’	**4. Dặn dò**	Về nhà học thuộc các phép tính cộng trong phạm vi 8. Hoàn thành nốt bài tập vào buổi chiều. Xem trớc bài sau: Phép trừ trong phạm vi 8.	

Rút kinh nghiệm.